

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

---***---

Bản án số: 18/2025/DS -ST

Ngày: 26/6/2025

Về việc: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Đẩu – Bà Phan Kim Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Lợi - Cán bộ tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2024/TLST - DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐST-DS ngày 17/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1957. Trú tại: Sn 34 đường Đào Tấn, khối 6 phường Đội C, TP Vinh, tỉnh Nghệ An – có mặt

Bị đơn: Bà Hồ Thị M, sinh năm 1967. Trú tại: khối 14, phường Cửa N, TP Vinh, tỉnh Nghệ An – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại "Đơn khởi kiện" cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị B trình bày: Tôi và bà M có mối quan hệ quen biết nên đã nhiều lần cho bà M vay tiền với tổng số tiền là 1.500.000.000đ, cụ thể các lần vay là:

Ngày 01/7/2010 cho bà M vay 990.000.000đ, Ngày 05/7/2010 cho bà M vay 100.000.000đ, Ngày 07/7/2010 cho bà M vay 100.000.000đ, Ngày 15/7/2010 cho bà M vay 2 lần, một lần 50.000.000đ và một là 260.000.000đ.

Ban đầu hai chúng tôi có thống nhất và lập thành 02 giấy vay tiền đề ngày 19/6/2010 và ngày 10/7/2010. Tuy nhiên sau đó tôi và bà M đã ngồi lại thống nhất chốt số nợ với nhau và bà M còn nợ tôi 1,5 tỷ đồng rồi hai bên viết lại "Giấy vay

tiền và cầm nhà” ngày 15/7/2010 bà M có hứa cầm cố cho tôi căn nhà bà M của bà Hoàng Thị Lan ở khối 6, Đội Cung, TP Vinh với trị giá 1,5 tỷ đồng (bằng số tiền tôi cho bà M vay), khi nào xong thủ tục chuyển nhượng thì sẽ giao giấy tờ nhà cho tôi. Tuy nhiên, bà M không thực hiện đúng như đã viết giấy, làm xong thủ tục nhà lại bán cho người khác và cũng không trả tiền nợ cho tôi.

Sau khi biết việc tôi đã nhiều lần đòi nợ thì bà M có trả nợ cho tôi: Lần 1 trả 80.000.000đ, Lần 2 trả 97.000.000đ, Lần 3 trả 2.000.000đ, Lần 4 trả 500.000đ, Lần 5 trả 1.000.000đ. Tổng số tiền bà M đã trả cho tôi là 180.500.000.000đ.

Tại Đơn khởi kiện tôi nộp cho Tòa án thì tôi yêu cầu bà M trả cho tôi số tiền gốc là 1.323.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng Gpbank là $6,25\% \times 1.323.000.000đ \times 14 \text{ năm} = 1.158.000.000đ$.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 05/12/2024 tôi đã làm đơn thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà M phải thanh toán tiền lãi suất và buộc bà M trả cho tôi số tiền gốc là 1.209.500.000đ.

Do tôi nhầm lẫn trong tính toán nên đã tính sai, đáng lẽ bà M còn nợ tôi số tiền là 1.319.500.000đ nhưng tôi đã tính là 1.209.500.000đ (giảm 113.500.000đ so với số tiền yêu cầu khởi kiện) và yêu cầu bà M trả số tiền 1.209.500.000đ, nên tôi giữ nguyên yêu cầu số tiền đó không thay đổi nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, tôi chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà M phải thanh toán cho tôi số tiền còn lại là 1.209.500.000đ theo các Giấy vay nợ ngày 19/6/2010, 10/7/2010, 15/7/2010 và không yêu cầu bà M phải trả lãi suất.

Trong quá trình giải quyết bà Hồ Thị M trình bày: Bà không có ý kiến gì đối với tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào khác, ngoài ra không yêu cầu triệu tập thêm đương sự, người làm chứng nào khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà M thừa nhận có viết Giấy vay nợ ngày 19/6/2010 với số tiền nợ là 1.390.000.000đ, đã trả cho bà B 05 lần với tổng số tiền là 180.500.000đ. Số nợ bà B yêu cầu bà M trả là số nợ gốc còn lại 1.209.500.000đ thì tôi không nhất trí vì hiện nay bà M không có tài sản gì nên không có trả cho bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn

cùng với đại diện nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Hồ Thị M thanh toán cho bà Hoàng Thị B số tiền còn lại là 1.209.500.000đ theo các Giấy vay nợ ngày 19/6/2010, 10/7/2010, 15/7/2010.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi suất và một phần yêu cầu khởi kiện số tiền gốc của bà Hoàng Thị B.

3. Về án phí: Buộc bị đơn là bà Hồ Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1]. Về điều luật áp dụng: Giao dịch của các bên được xác lập vào năm 2010 do vậy, áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để điều chỉnh.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, chứng cứ trong vụ án và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc trường hợp vay không có kỳ hạn và không tính lãi theo quy định tại Điều 471, khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005.

[3]. Về điều kiện khởi kiện: Trước khi khởi kiện nguyên đơn đã thực hiện việc yêu cầu bị đơn trả nợ nên đáp ứng đúng quy định tại khoản 2 Điều 477 BLDS năm 2005, điểm b khoản 1 điều 192 BLTTDS năm 2015 về điều kiện khởi kiện.

[4]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản xác lập năm 2010 đối với bị đơn bà Hồ Thị M, cư trú tại phường Cửa Nam, TP Vinh, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Sau khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án cũng đã tổng đạt cho bà M. Tại phiên tòa được mở lần thứ nhất vào ngày 13/6/2025 bà M vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Vụ án được đưa ra xét xử lần thứ hai nhưng bà M vẫn không có mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Thuyên là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án.

[1]. Xét nội dung của hợp đồng vay tài sản Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa bà B và bà M được thể thiện dưới hình thức giấy vay tiền lập vào các ngày 19/6/2010, 10/7/2010, 15/7/2010. Căn cứ vào giấy vay tiền thì bà B cho bà M vay nhiều lần với tổng số tiền là 1.500.000.000đ. Tại các giấy vay tiền thể hiện

hai bên không thỏa thuận lãi suất và cũng không thỏa thuận về thời gian trả nợ. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005 thì đây là giao dịch vay tài sản không có thời hạn và không có lãi, hai bên đã thực hiện xong hợp đồng và bên vay đã nhận đủ tiền từ bên cho vay. Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung của hợp đồng vay tiền là hoàn toàn tự nguyện và thỏa thuận không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay tài sản này có hiệu lực pháp lý với các bên đã ký kết và được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Bà B và bà M đều thừa nhận tại cơ quan điều tra Công an tỉnh Nghệ An và tại Tòa án là bà B cho bà M vay tổng số tiền 1.500.000.000đ và hai bên có viết giấy vay nợ. Cả hai bên đều thừa nhận trong quá trình vay bà M đã nhiều lần thanh toán cho bà B tổng số tiền là 180.500.000đ. Bà M thừa nhận còn nợ tiền bà B là 1.209.500.000đ nhưng hiện không có tài sản nên không đồng ý trả nợ. Do bà B nhầm lẫn trong tính toán nên đã tính sai, đáng lẽ bà M còn nợ bà B số tiền là 1.319.500.000đ nhưng bà B đã tính số tiền còn lại là 1.209.500.000đ, Nay bà B chỉ yêu cầu bà M trả số tiền nói còn thiếu là 1.209.500.000đ. Từ phân tích nêu trên, việc bà B khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền nợ vay còn lại 1.209.500.000đ theo các giấy vay tiền vào các ngày 19/6/2010, 10/7/2010, 15/7/2010 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của bà B là buộc bà M trả tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng Gpbank là $6,25\% \times 1.323.000.000đ \times 14 \text{ năm} = 1.158.000.000đ$ và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc (113.500.000đ) hội đồng thấy rằng: Trước thời điểm xét xử và tại phiên tòa bà B xin rút yêu cầu đối với việc tính lãi và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 113.500.000đ. Xét yêu cầu của bà B là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất, đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 113.500.000đ.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà B được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 122, 290, 471, 474, khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005. Khoản 2 Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị B. Buộc bà Hồ Thị M phải trả cho bà Hoàng Thị B số tiền còn lại là 1.209.500.000đ (một tỷ, hai trăm linh chín triệu, năm trăm nghìn đồng) theo các giấy vay tiền vào các ngày 19/6/2010, 10/7/2010, 15/7/2010.

Kể từ ngày bà Hoàng Thị B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Hồ Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi suất, một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 113.500.000đ của bà Hoàng Thị B.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 48.285.000đ (Bốn mươi tám triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Bà Hoàng Thị B là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xem xét.

3. Án xử công khai có mặt nguyên đơn và vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND thành phố Vinh
- Chi cục THADS thành phố Vinh
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

